

Nhân Kỷ Niệm ngày Truyền Thống năm thứ 74
Trường Bộ Binh QLVNCH
(1951-2025)

Quý Niên Trưởng, quý Chiến hữu,

Trước hết, tôi xin gửi lời chào mừng quý Niên trưởng, quý Chiến hữu đã không quản ngại đường xa xa xôi, nước non ngàn dặm ra đi, tham dự Kỷ niệm ngày Truyền Thống thứ 74 (1951-2025) của Cựu Sinh viên Sĩ Quan Trừ Bị Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa.

Việt Nam vốn là một quốc gia thống nhất từ Ải Nam Quan đến mũi Cà Mau. Sau khi Nhật đảo chánh quân Pháp ở Đông Dương, ngày 11 tháng 3 năm 1945, Hoàng Đế Bảo Đại đã tuyên Cáo Việt Nam độc lập, trong bản Tuyên ngôn có đoạn:

“Chiếu tình hình thế giới nói chung và tình hình Á Châu nói riêng, chính phủ Việt Nam long trọng công khai tuyên bố, kể từ ngày hôm nay hiệp ước bảo hộ ký với Pháp được bãi bỏ và đất nước thu hồi chủ quyền độc lập quốc gia”.

Khâm thủ,

Huế, ngày 27 tháng giêng năm thứ 20 triều Bảo Đại

Hiệp ước Vịnh Hạ Long được ký kết vào ngày 5 tháng 6 năm 1948 Pháp quốc công nhận nền độc lập của Việt Nam và thành lập Quân đội Quốc Gia Việt Nam.

1- Trường Sĩ Quan Trừ Bị

Sau thế chiến thứ II, với chính sách ngăn ngừa sự bành trướng của Cộng Sản quốc tế (US containment policy) từ Âu sang Á. Hoa Kỳ cung cấp viện trợ quân sự và kinh tế cho các quốc gia chống lại chủ nghĩa cộng sản: **Kế hoạch Marshall**: Cung cấp hỗ trợ tài chính để tái thiết nền kinh tế châu Âu nhằm ngăn chặn ảnh hưởng của cộng sản. - **Thành lập NATO**: Thiết lập một liên minh quân sự để chống lại sự xâm lược của Liên Xô ở châu Âu. - **Chính sách ngăn chặn**: Áp dụng chiến lược ngăn chặn sự bành trướng của chủ nghĩa cộng sản trên toàn cầu. - **Hỗ trợ các chế độ chống cộng**: Ủng hộ các chính phủ và

phong trào chống cộng sản. – Can thiệp quân sự: Tham gia vào các cuộc xung đột để ngăn chặn sự lây lan của chủ nghĩa cộng sản ở các khu vực trọng điểm.

Tổng thống Harry Truman viện trợ quân sự cho Việt Nam để tăng cường quân lực. Quốc Trưởng Bảo Đại ký Sắc Lệnh ngày 15 tháng 7 năm 1951, kêu gọi tổng động viên: Thanh niên tuổi từ 18 đến 28 đều phải nhập ngũ. Những người có bằng từ Cao đẳng Tiểu học trở lên có đủ điều kiện nhập học khóa sĩ quan trừ bị. Viện trợ quân sự của Hoa Kỳ đã giúp ngân khoản cho chính phủ Việt Nam: (1) – Di chuyển Trường Sĩ Quan tại Đập Đá Huế được thành lập năm 1948 lên Đà Lạt với danh xưng mới Trường Võ Bị Liên Quân (École Militaire Interarmes). (2) – Thành lập thêm hai Trường Sĩ Quan Trừ Bị (Écoles d' Officiers de Reserve) tại Nam Định và Thủ Đức.

(1) – Khoá I Nam Định và Khoá I Thủ Đức được khai giảng vào ngày 1 tháng 10 năm 1951. Trường Nam Định chỉ huấn luyện được 1 khoá rồi ngưng hoạt động vì Việt Minh được Trung cộng hỗ trợ mở chiến dịch Đông Xuân tại Miền Bắc. Trường Thủ Đức đào tạo được 5 khoá thì tạm ngưng huấn luyện năm vào tháng 2 năm 1955, chiếu điều khoản giảm trừ binh bị của Hiệp Định Geneve ký ngày 20 tháng 7 năm 1954. HĐ Geneve do Thực Dân Pháp và Cộng Sản ký kết, tự động phân đội Việt Nam ra miền Nam Bắc trái với ý chí của toàn dân, vi phạm quyền dân tộc tự quyết (right to self-determination) của Quốc Gia Việt Nam do Đức Quốc Trưởng Bảo Đại lãnh đạo.

(2) – Trường Thủ Đức tái hoạt động vào tháng 2 năm 1957 từ khoá 6 và được cải danh thành **Liên trường Võ khoa Thủ Đức. (Thu Duc Military Center) gồm thêm các Trường: Thiết giáp, Pháo binh, Công binh, Quân cụ, Truyền tin, Quân chính, Thông vận binh, Thể dục quân sự.** Tháng 10 năm 1961, các trường chuyên môn được tách ra khỏi Liên trường Võ khoa Thủ Đức, ngoại trừ 3 Trường Bộ binh, Thiết giáp và Thể dục Quân sự. Ngày 1 tháng 8 năm 1963, Trường lấy lại danh hiệu cũ lúc ban đầu là Trường sĩ quan trừ bị Thủ Đức. Năm 1964, Trường lãnh thêm nhiệm vụ đào tạo các cán bộ Đại đội trưởng và Tiểu đoàn trưởng. Cũng kể từ năm 1964 tuyển sinh vào học sĩ quan trừ bị phải có văn bằng Tú tài 1 trở lên hoặc chứng chỉ tương đương. Ngày 1 tháng 7 năm 1964 Trường được cải danh thành **Trường Bộ Binh (Infantry School).**

(3) – Trường đào tạo từ khoá 1 (1951) đến khoá 27 (1967) theo thứ tự từng năm nhưng khi chiến cuộc leo thang, nhu cầu đòi hỏi nhiều sĩ quan khiến số khóa

tăng lên từ trên 2 khóa mỗi năm. Kể từ năm 1968 trở đi thì mỗi khóa được gọi là "1/68", "2/68", "1/69", "2/69"... 1/75. Kể từ năm 1968 công việc đào tạo sĩ quan trừ bị của Trường Thủ Đức được bổ túc bởi Trường Sĩ Quan Đồng Đế ở Nha Trang. Cuối năm 1973, Trường Bộ binh Thủ Đức được lệnh di chuyển về Huấn khu Long Thành. Đến giữa tháng 4 năm 1975 lại di chuyển về Thủ Đức. Đến 30 tháng 4 năm 1975, các Trường đào tạo Sĩ Quan Trừ bị VNCH ngưng hoạt động.

2- Tổng Hội

Sau gần ¼ thế kỷ, Trường Sĩ Quan Trừ Bị đã đào tạo được khoảng 80,000 Sĩ Quan kiêu hùng, phục vụ trong mọi quân, binh chủng, sánh vai với khoảng 6,700 Sĩ quan Hiện dịch xuất thân từ Võ Bị Quốc Gia và các sĩ quan Không Quân và Hải quân trên mọi chiến trường chống Cộng sản từ Bắc chí Nam. Ngày 30-4-1975, vì thiếu sự hỗ trợ của đồng minh, VNCH lui binh. Một số chiến hữu cố thủ tại quê nhà, một số di tản ra ngoại quốc. Sau thời gian thích nghi với cuộc sống mới, các cựu sinh Viên đã bắt đầu thành lập các đoàn thể tại các tiểu bang Hoa Kỳ và tại các quốc gia tự do từ đầu thập niên 1980.

Đến giữa thập niên 1980, Tổng Thống Ronald Reagan phái Đại tướng John Vessey sang Việt Nam thương thảo về ba vấn đề: (a)-Tìm kiếm cựu quân nhân Hoa Kỳ mất tích (MIA); (b)-vấn đề phóng thích tù nhân chính trị (HO), và (c)-vấn đề đoàn tụ gia đình (ODP);

Ban đầu Chính phủ Hà nội không chịu phóng thích tù nhân chính trị, sợ nguy hại đến nền an ninh. Tướng Vessey tường trình với Tổng thống Reagan về sự lo ngại của Bắc Bộ Phủ. Tổng thống Reagan cho biết sẽ bảo trợ tất cả những chiến binh được phóng thích qua định cư tại Hoa Kỳ. Sau đó Hoa Kỳ mới có sự thỏa thuận với Việt Nam qua chương trình HO (Humanitarian Operation).

Nhờ các đợt di dân thuyền nhân, đoàn tụ gia đình và HO, một số động cựu sinh viên đã được Chính Phủ Hoa Kỳ bảo trợ đến định cư tại Hoa Kỳ, đã gia tăng nhân số của cựu sinh viên tại các tiểu bang Hoa Kỳ. Nhưng mãi đến đầu thập niên 2000, mới có sự phối hợp sinh hoạt cấp quốc gia và quốc tế qua các đại hội tại Houston, WADC, Louisiana, Canada, Úc Châu, San Jose, CA. Chúng ta tri ân quý Niên trưởng và Chiến hữu đã tham gia vào công tác tổ chức cơ chế Tổng hội và thăng tiến sinh hoạt từ đầu thập niên 2000 đến nay.

Trong thập niên 2010, Tổng hội tổ chức đại hội ở Georgia, mở màn cho một giai đoạn mới. Sau Đại hội Georgia năm 2014, các đại hội lần lượt được tổ chức tại Florida, Dallas, Houston, Oklahoma... Qua thập niên 2020, các đại hội được tổ chức tại St. Paul Minnesota State Capitol năm 2022, tại San Jose, CA, năm 2023 và kỷ niệm ngày Truyền Thống năm 2024 đã được tổ chức tại San Diego, CA vào hai ngày 17-18 tháng 8 năm 2024, họp mặt và bầu Tân Hội Đồng Quản Trị cho nhiệm kỳ 2024-2026. Đại hội tháng 9 năm nay 2025 sẽ được tổ chức tại Houston, TX. Tính từ đại hội 2014 tại Atlanta, GA, đến 2025 Tổng hội đã phát hành 16 Bản Tin, và 3 Đặc San. Đại hội San Diego 2024 đã phát hành Kỷ Yếu Thập Niên ghi nhận sinh hoạt trong giai đoạn từ năm 2014 đến 2024.

Tổng hội là tổ chức được thành lập chiếu luật về cơ quan bất vụ lợi hay phi lợi nhuận (NPO- Not for profit organization). Hiện nay tại Hoa Kỳ có 50 bộ luật tại 50 tiểu bang. Các hội tại tiểu bang, tùy nhu cầu, có thể hoạt động có giấy phép (de jure) do tiểu bang cấp hoặc không xin giấy phép (de facto). Mỗi thành viên là một chiến sĩ nhân quyền đang xây dựng dân chủ cho Việt Nam bằng cách tham gia sinh hoạt trong các đoàn thể văn hoá, xã hội, kinh tế, chính trị.

3-Hoạt Động

Trong suốt 50 năm (1975-2025), từ ngày di tản chiến thuật, ngoài một số CSVSQTB cổ thủ trên quê hương, một số khác lần lượt qua thời gian, đã tái định cư tại các quốc gia tự do và quyết tâm thực hiện các mục tiêu đã được ghi trong bản Nội Quy, các công tác được tóm lược như sau:

(1)-Thăng tiến tình huynh đệ chi binh.

(2)- Tạo môi trường gặp gỡ, khuyến khích tinh thần tương thân, tương trợ, hỗ trợ thương phế binh và gia đình tử sĩ.

(3)- Đóng góp vào công tác duy trì nền văn hoá Việt tộc và phát huy văn hóa Việt Nam hải ngoại. Phục vụ Cộng đồng, tham gia sinh hoạt trong các lĩnh vực văn hoá, xã hội, kinh tế chính trị tại các quốc gia nơi có người Việt tỵ nạn Cộng sản đang sinh sống, truyền thông tình tự dân tộc và tinh thần quốc gia qua các thể hệ dậu duệ.

(4)- Góp phần tranh đấu nhằm tái lập lập, tự do, dân chủ, nhân quyền và hạnh phúc thực sự cho đồng bào quốc nội.

“Việc nhân nghĩa, cốt ở yên dân. Quân điều phạt trước lo trừ bạo”

Tổng hội là một tập thể chiến binh kiêu hùng, đa năng, đa hiệu đã thể hiện khả năng, kinh nghiệm quản trị về mọi ngành sinh hoạt quốc gia liên quan đến văn hoá, xã hội, kinh tế, chính trị, quân sự, ngoại giao trước 1975 ... Tổng hội luôn kết chặt thân tình, kết tinh chí hướng, liên tục tranh đấu để tái lập tự do, dân chủ, nhân quyền và sự toàn vẹn lãnh thổ cho Việt Nam, hầu giúp cho đại nghiệp cứu quốc của toàn dân chóng được viên thành. Khi đó “Cờ Vàng sẽ mọc thiên phương, vạn hướng và sẽ không còn loại Cờ Máu đỏ lòm”.

4-Đại Hội

(1)- Đại hội nhằm kết chặt thân tình, kết tinh chí hướng, tri ân các chiến hữu đồng môn, chiến sĩ đồng minh Hoa Kỳ, các quốc gia tham chiến, và hơn 3 triệu dân, quân, cán, chính VNCH, đã hy sinh trong cuộc chiến chống Cộng sản.

(2)- Kiểm điểm công tác đã thực hiện trong thời gian qua và hoạch định chương trình cho tương lai, hỗ trợ hậu duệ với hoài bão “Làm cho khắp nơi vang tiếng người Việt Nam cho đến muôn đời.”

(3)- Thăng tiến sinh hoạt của Tổng Hội quyết tâm thực thi tôn chỉ ”Tổ Quốc - Danh Dự- Trách Nhiệm”. Tập thể CSVSQTB, phục vụ tập thể đồng hương, tập thể chiến hữu VNCH, đóng góp vào đại nghiệp tái lập tự do, dân chủ, nhân quyền, sự toàn vẹn lãnh thổ và hạnh phúc thực sự cho đồng bào quốc nội.

(4)- Tổng Hội phục vụ Việt Nam Cộng Hòa, Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà. Khối Dân, Quân, Cán, Chính đã di tản ra ngoại quốc vẫn tiếp tục công tác tranh đấu cho quê hương, hợp tác với tập thể chiến sĩ các quân binh chủng và đồng bào đang cố thủ tại quê nhà, trong ứng, ngoại hợp, chờ cơ hội tái lập sự toàn vẹn lãnh thổ từ Ải Nam Quan đến Mũi Cà Mau.

(5)- Trong công tác xây dựng dân chủ cho Việt Nam. Tổng hội đương nhiên không công nhận sự hiện diện bất hợp pháp của nhà cầm quyền Cộng sản trên quê hương tại Miền Bắc từ 1954 vì Công sản Hà nội và Thực dân đã đơn phương ký kết Hiệp Ước Geneve, phân đôi Việt Nam ra hai Miền Nam Bắc, vi phạm quyền dân tộc tự quyết, trái với nguyện vọng của toàn dân Việt Nam do Đức Quốc Trưởng Bảo Đại lãnh đạo.

(6) – Năm 1975, Đảng Cộng Sản Hà nội, một lần nữa, đã vi phạm Hòa Ước Ba Lê ký kết năm 1973. Hoà ước 1973 quy định các quốc gia ký kết vào Hoà Ước Ba Lê phải tôn trọng quyền dân tộc tự quyết của VNCH và công nhận quyền Miền Nam Việt Nam lựa chọn chính thể cai trị qua một cuộc bầu cử tự do dưới sự giám sát quốc tế.

(7) – Ngày 30 tháng 4 năm 1975, Cộng sản Bắc Việt xâm lăng VNCH bằng vũ lực trái với công pháp quốc tế và áp đặt nền cai trị độc tài vô sản chuyên chính trên quê hương điêu tàn suốt 50 năm qua.

“Độc ác thay, trúc Nam Sơn không ghi hết tội
Dơ bẩn thay, nước Đông Hải không rửa sạch mùi”.

Chính phủ và Quân lực VNCH, Dân, Quân, Cán, Chính đành phải di tản ra hải ngoại để bảo vệ thực lực, chờ ngày phục quốc để giải phóng quê hương vì:

“Quê ta chốn ấy giờ tang thương lắm
Mảnh đất ưu phiền hai chữ nắng mưa”

5- Quốc nạn thức trung thần, gia bần tri hiếu tử

(1) – Mặc dù có quan điểm khác nhau về ngày 30 tháng 4 năm 1975. Việt Nam Cộng Hòa thực sự chưa bao giờ chính thức đầu hàng quân xâm lăng Cộng sản vẫn là ý kiến áp đảo. Ý kiến này cho rằng hành vi yêu cầu buông súng của cựu Tướng Dương Văn Minh ngày 30 tháng 4 năm 1975, là hành vi bất hợp lệ vì cựu Tướng Dương Văn Minh không phải là Tổng Thống hợp hiến chiếu theo tinh thần của Hiến Pháp VNCH. Lời kêu gọi buông súng này đã sa vào bẫy của CS khiến cho biết bao quân sĩ anh hùng của QLVNCH phần thì tuần tiết, phần thì căm thù giặc, nghiêng đến gãy cả hàm răng, chết đứng giữa trận tiền hoặc đành lui binh vào hiểm địa hoặc bị tù tội chôn vùi cả một thời thanh xuân.

Những chiến sĩ đã hy sinh hoặc sống còn đều là những anh hùng hào kiệt của dân tộc Việt đáng được ngàn năm ghi danh vào sử sách. Đó là danh dự vĩnh viễn của Dân, Quân, Cán, Chính của Việt Nam Cộng Hoà.

“Trượng phu không hay xé gan bẻ cột phù cường thường
Hà tất tiêu dao bốn bể, lưu lạc tha hương
Trời Nam nghìn dặm thăm, mây nước một màu sương ...
Nào ai tỉnh, nào ai say, chí ta ta biết lòng ta ta hay
Nam nhi sự nghiệp ư hồ thử, hà tất cùng sầu đối cỏ cây”

(2) – “Quốc có quốc pháp, gia có gia quy”. Chiếu Điều 56 Hiến pháp Việt Nam Cộng Hòa năm 1967, Ông Trần Văn Hương đã đảm nhiệm chức Tổng thống khi Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu từ chức vào ngày 21/4. Nếu ông Trần Văn Hương không đảm nhiệm chức tổng thống nữa thì chủ tịch Thượng viện, lúc đó là ông Trần Văn Lắm, sẽ là người ngồi lên ghế tổng thống. Sau đó ba tháng, chính quyền sẽ tổ chức bầu cử lại. Cựu Tổng Dương Văn Minh, lúc bấy giờ, không phải phó tổng thống, không phải chủ tịch Thượng viện, cũng chẳng được bầu lên... Về mặt pháp lý, việc cựu Tổng Dương Văn Minh trở thành tổng thống là hoàn toàn vi hiến”.

(3) – Quốc hội Việt Nam thời bấy giờ có 3 khuynh hướng theo nhận xét của một vị cựu Dân biểu VNCH: “Sau Hiệp Định Paris, nhìn thấy trước mắt con đường liên hiệp tâm lý các khối thế lực: Phật giáo, Công giáo, Đảng phái đều ra sức chống Tổng Thống Thiệu để dành chỗ, làm cho tình hình trở nên rối ren hơn, chỉ có lợi cho Cộng sản. Trong giai đoạn đó, 3 nhóm họp thành khối đối lập DTXH theo đuổi ba chương trình khác nhau: (1) nhóm Phật giáo chống Thiệu và muốn Thiệu ra đi bằng mọi giá. 2) nhóm Đảng phái lo củng cố đảng. 3) nhóm thân tướng Minh muốn ông Dương Văn Minh thay thế Tổng Thống Thiệu.”

(4) – Trước hoàn cảnh trong không ấm, ngoài không êm như vậy, Việt Nam Cộng Hoà đành đành phải lui binh để bảo toàn thực lực, hẹn ngày tái chiếm Việt Nam. Quân tử không oán Thiên vuơ nhân. Đồng minh và cấp lãnh đạo VNCH cũng đã cố gắng hành xử hết khả năng của mình. Dù muốn, dù không, quá khứ là quá khứ, là kinh nghiệm, không thay đổi được. Nỗ lực chung hiện nay là mỗi chiến hữu trong cương vị của mình, tích cực góp phần xây dựng tương lai của giống nòi mới là quan trọng. Được đào luyện thành chiến sĩ mà không tiếp tục chiến đấu trong trận chiến nhân quyền hay chính trị hiện nay chẳng khác nào đã cày sâu cuốc bẫm mà không trồng trọt. “The one who learns and learns and does not practice is like the one who plows and plows and never plants” Platon.

(5)–Socrates đã nhận định: **Lui binh không phải thất bại. Thất bại là lui binh mà không chuẩn bị ngày Đông sơn tái khởi.** – Falling down is not failure. Failure comes when you stay where you have fallen”. Đa số chúng ta đang ở trong hoàn cảnh ” Quốc thù vị báo đầu tiên bạc- Hận nước chưa trả xong, đầu đã bạc, nhưng gươm mài bóng nguyệt đã bao ngày”. Là những chiến sĩ nhân quyền, chúng ta đang chiến đấu vì quyền lợi của dân tộc và truyền lại gương oanh liệt, hào hùng tranh đấu vì hạnh phúc của toàn cho hậu duệ. Thành công không có bí quyết. Thành công là kết quả của sự chuẩn bị- sẵn sàng- là nỗ lực xây dựng tương lai dựa vào kinh nghiệm quá khứ- There is no secrets to success. It is the result of preparation, hard work and learning from failure”. Colin Powell”

6-Các Định Chế Xã hội-Chính Trị

(1)–Thành viên của Tổng hội cũng như cựu quân nhân trong các quân binh chủng VNCH thường hoạt động trong Cộng đồng người Việt trên toàn thế giới, trong các chính đảng, những tổ chức có trước 1975 và một số đoàn thể tự phát sau 1975.

(a)–Cộng đồng: Định chế xã hội người Việt tỵ nạn CS hoạt động tại nhiều địa phương, quốc gia. Ngoài các công tác xã hội, thường tổ chức biểu dương lực lượng và sinh hoạt tranh đấu cho nhân quyền, tự do, dân chủ, phản đối các phái đoàn CSVN tha hương cầu thực, tranh đấu cho tự do tôn giáo, chống đối hành vi đàn áp dân lành, đã phá chủ trương vĩ nhân hóa HCM, giương cao ngọn cờ chính nghĩa... liên lạc với chính quyền các cấp, yêu cầu chính phủ Hoa Kỳ thực hiện chương trình đoàn tụ gia đình, phóng thích tù nhân chính trị...

(b)–Chính đảng: Đoàn thể chính trị thường tổ chức các nghi hội quốc gia, quốc tế. Có hàng chục đoàn thể tham dự, từ thập niên 1990, các Hội Nghị Liên Kết, Hội Nghị Yểm Trợ Tự Do cho Việt Nam, các tổ chức kháng chiến....mỗi đảng có đảng quy và đảng viên thi hành chính sách của đảng.

(c)- Chính Phủ: Hiện nay có Chính Phủ Pháp Định (De Jure Government) kế tục chính phủ VNCH trước 1975 và các Chính phủ tự phát sau 1975.

(2)–Khi quốc gia lâm nguy, quần hùng thường nổi dậy chống xâm lăng là chuyện thiên kinh địa nghĩa đã xảy ra tự cổ chí kim qua lịch sử Việt tộc trên bốn ngàn

năm văn hiến. Những cố gắng thực sự tranh đấu cho tổ quốc cần được khích lệ hoặc tham gia thay vì “dị ứng” hay ngoảnh mặt, cúi đầu như thái độ của “Thương nữ vô tri vong quốc hận”.

Vì nếu không có tổ chức để quật khởi, tranh đấu cho tự do, dân chủ thì dân tộc khó thoát khỏi tình trạng độc tài đảng trị. Ngoài các công trình của quý Niên Trưởng, Chiến hữu trong công tác thành lập và sinh hoạt trong các công đồng, các chính đảng, các đoàn thể tranh đấu, hoạt động, sinh hoạt của một số cựu Sinh Viên SQ Thủ Đức liên quan đến quốc sự được ghi nhận sau 1975.

(a) – Thủ tướng Nguyễn Bá Cẩn, nguyên Chủ tịch Hạ Viện, Quốc Hội VNCH, được Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu bổ nhiệm làm Thủ Tướng, thay thế Thủ Tướng Trần Thiện Khiêm. Sau ngày 30-4-1975, tại hải ngoại, Thủ tướng Nguyễn Bá Cẩn, chiếu Sắc lệnh 350-TTSL của TT Nguyễn Văn Thiệu, đã đại diện VNCH trình hồ sơ lên Tòa Án Trọng Tài Quốc Tế trong vụ kiện Trung Cộng vi phạm Công Ước về Biển 1982. Kế tục hợp pháp (state succession) chính phủ VNCH trước 1975 tại hải ngoại là Chính Phủ Pháp Định (De Jure Government. (de jure = hợp pháp hay pháp định).

(b) – “Qua việc Thủ Tướng Nguyễn Bá Cẩn nộp Hồ Sơ Nói Rộng Thêm Lục Địa vào năm 2009 mà Liên Hiệp Quốc đã gián tiếp công nhận VNCH là một chính thể còn tồn tại. Vì để Liên Hiệp Quốc tiếp nhận hồ sơ này thì phải hội đủ hai điều kiện như sau: 1- Phải nộp hồ sơ với tư cách quốc gia. 2- Phải là quốc gia đã có ký vào Hiệp ước Luật biển (UNCLOS). Để thỏa mãn hai điều kiện trên, cố Thủ Tướng Nguyễn Bá Cẩn đã quyết tâm ngày đêm tranh đấu, tìm tài và cuối cùng đã được Liên Hiệp Quốc chấp nhận hồ sơ...”. Chúng ta rất cần có sự hiện diện của VNCH trong Hội Nghị Quốc Tế vì đó là nhân chứng và cũng là chính thể VNCH nối tiếp công quyền của Đệ Nhị VNCH.”.

Thủ tướng Nguyễn Bá Cẩn, thế hệ 1930, xuất thân từ Học Viện Quốc Gia Hành Chấn và Trường Sĩ Quan Thủ Đức, qua đời năm 2009. Thủ tướng Lê Trọng Quát, thế hệ 1930, xuất thân từ Đại học Luật Khoa và Trường Sĩ Quan Thủ Đức, tiếp nối sứ mệnh lãnh đạo chính phủ, qua đời năm 2022. Thủ tướng Trần Xuân Thời, thế hệ 1940, xuất thân từ Đại học Văn Khoa, Học Viện Quốc Gia Hành Chánh và Trường Sĩ Quan Thủ Đức và sau 1975 từ Đại học Kinh Doanh, Đại học Luật Khoa tại Hoa Kỳ, đang tiếp nối lãnh đạo chính phủ Pháp Định.

(c) – “Chính phủ VNCH Pháp Định sẽ tiếp tục hoạt động tại hải ngoại đáp ứng nhu cầu cho thế giới biết Chính phủ VNCH vẫn còn. Chính phủ thực thi các công tác liên quan đến văn hoá, xã hội, kinh tế, chính trị, và sứ mệnh bang giao quốc tế vận động, liên lạc với các quốc gia đã từng lập bang giao với Việt Nam Cộng Hòa trước 1975 và các quốc gia tự do đã ký kết với Hòa Ước Ba Lê năm 1973 để yêu cầu tái hợp Hoà Đàm Ba Lê và thi hành các điều khoản đã ký kết về Việt Nam, nhất là thực thi điều khoản công nhận quyền dân tộc tự quyết để tổ chức bầu cử tự do khi đó nhân dân Miền Nam Việt Nam tự quyết định tuyển chọn thể chế chính trị cho Miền Nam Việt Nam. Xong nhiệm vụ CPPD sẽ từ chức và trao quyền cho tân chính phủ.

“Chiếu theo Hiến Pháp VNCH 1967, **điều 52.1: “Tổng Thống và Phó Tổng Thống cùng đứng chung một liên danh, được cử tri toàn quốc bầu lên theo lối phổ thông đầu phiếu trực tiếp và kín.”** Như vậy, bất cứ ai muốn trở thành Tổng Thống của VNCH đều phải thông qua bầu cử. Từ đó có thể xác định rằng, ai không thông qua cuộc bầu cử tự do đều là vi hiến.

(d) – Hiện nay, công tác tranh đấu cho tự do dân chủ tại Việt Nam là vấn đề trường kỳ. Chính phủ là tổ chức phục vụ phúc lợi chung của đồng bào. Chính Phủ Pháp Định kêu gọi sự hỗ trợ của quý vị đồng hương và đồng thời sẵn sàng hợp tác với tất cả quý vị Dân–Quân– Cán–Chính VNCH, các tổ chức đấu tranh quốc gia, để hầu đại nghiệp cứu quốc của toàn dân chóng được viên thành.

7 – Các Hiệp Ước Quốc Tế về Việt Nam

(1) – Hiệp định Geneva ký ngày 20 tháng 7 năm 1954 do Cộng sản và Thực dân ký kết đã tước đoạt quyền dân tộc tự quyết của nhân dân Việt Nam khi quyết định chia cắt đất nước VN thành hai miền Nam Bắc trước sự phản đối của chính phủ Quốc Gia Việt Nam do Quốc Trưởng Bảo Đại lãnh đạo. Ngoại trưởng Trần Văn Đỗ đã bày tỏ thái độ qua lời phát biểu: “Chính phủ Quốc gia Việt Nam yêu cầu Hội nghị ghi nhận một cách chính thức rằng Việt Nam long trọng phản đối cách ký kết Hiệp định cùng những điều khoản không tôn trọng nguyện vọng sâu xa của dân Việt. Chính phủ Quốc gia Việt Nam yêu cầu Hội nghị ghi nhận rằng Chính phủ tự dành cho mình quyền hoàn toàn tự do hành động để bảo vệ quyền thiêng liêng của dân tộc Việt Nam trong công cuộc thực hiện Thống nhất, Độc lập, và Tự do cho xứ sở”.

Đến năm 1956, chính phủ VNCH bác bỏ đề nghị tổng tuyển cử hiệp thương giữa hai Miền Nam Bắc vì (a) không thể có bầu cử tự do tại Miền Bắc do CS kiểm soát. (b) Quốc gia Việt Nam đã không ký vào Hiệp Định Geneve năm 1954 nên không có trách vụ thi hành. (c) Đồng minh Hoa Kỳ cũng đã không ký vào Hiệp Định Geneve năm 1954 vì Hoa Kỳ chấp nhận Trung Hoa Quốc Gia và bác bỏ tư cách đại diện của Trung Cộng trên diễn đàn chính trị quốc tế. (d) Không có điều khoản nào trong Hiệp Định ấn định thể thức Tổng Tuyển Cử mà chỉ là phần đàm luận trong bản Tuyên cáo chung sau Hội Nghị.

(2) –Hiệp định Paris (Paris Agreement on Ending the War and Restoring Peace in Vietnam) ngày 27 tháng 1 năm 1973 công nhận quyền Dân Tộc Tự Quyết của Miền Nam Việt Nam:

Chương IV, điều 9 ấn định:

(a) –Quyền tự quyết của nhân dân Miền Nam Việt Nam là quyền thiêng liêng, không thể chuyển nhượng và các quốc gia phải tôn trọng. – The South Vietnamese People’s right to self-determination is sacred, inalienable, and shall be respected by all countries”

(b) –Nhân dân Miền Nam Việt Nam sẽ quyết định chính phủ tương lai cho Nam Việt Nam qua cuộc bầu cử thật sự tự do và dân chủ dưới sự giám sát quốc tế. – The South Vietnamese People shall decide themselves the political future of the South through genuinely free and democratic general elections under international supervision”

Điều 19: Các quốc gia tham dự Hội nghị đồng ý triệu tập Hội Nghị quốc tế trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký thỏa ước để công nhận thỏa ước đã được ký kết, bảo đảm chấm dứt chiến tranh, duy trì hòa bình cho Việt Nam, tôn trọng những quyền căn bản của nhân dân Việt Nam và quyền dân tộc tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam, đóng góp và bảo đảm hòa bình tại Đông Dương.

Thi hành điều 19 thượng dẫn, ngày 2 tháng 3 năm 1973, 12 quốc gia họp trước sự chứng kiến của Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc đã ký một văn kiện gọi là ACT of the Paris Agreement ending the War and restoring Peace for Vietnam.

(3) –Định Ước (Act of the Paris Agreement on ending the War and Restoring Peace in Viet Nam), do 12 quốc gia ký ngày 2 tháng 3 năm 1973 được xem như là bản “Tông Đồ Công Vụ” của 12 vị Bộ Trưởng Ngoại Giao của 12 thành viên tham gia vào Hòa Hội Paris, gồm có Mỹ, Anh, Pháp, Nga, Việt Nam Cộng Hòa, Canada, Nam Dương, Ba Lan, Hung Gia Lợi, Trung Cộng, Cộng sản Bắc Việt và Việt Cộng. Bản Định Ước này quy định biện pháp áp dụng trong trường hợp có sự vi phạm Hiệp Ước Ba Lê. Định ước này có tính cách quan trọng trong vấn đề đòi lại quyền dân tộc tự quyết cho Việt Nam

khi Việt cộng vi phạm Hiệp Định Ba Lê xâm lăng Việt Nam Cộng Hoà, áp đặt chế độ độc tài đảng trị CS lên toàn dân Việt từ 1975 đến nay.

Điều 2: Bản Định Ước xác định nguyện vọng và các quyền cơ bản của nhân dân Việt Nam, độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, quyền dân tộc tự quyết của nhân dân Miền Nam Việt Nam phải được tôn trọng...

Điều 7 (a) Nếu có sự vi phạm Hiệp Định Ba Lê nguy hại đến nền hòa bình, một hay nhiều quốc gia có quyền tham khảo với các quốc gia khác để quyết định biện pháp giải quyết. (b) Hội Nghị Quốc Tế sẽ được tái triệu tập khi Hoa Kỳ và CS Hà Nội yêu cầu. (c) hoặc theo lời yêu cầu của sáu hay nhiều hơn trong 12 quốc gia tham dự vào bản Định Ước.

Nếu chúng ta vận động mạnh mẽ với 9 quốc gia tự do trong 12 thành viên ký vào bản Định Ước thì chúng ta có cơ hội thành công.

(4) - Đạo luật Public Law 93-559 do Tổng Thống Gerald Ford ban hành ngày 30 tháng 12 năm 1974. Section 34(b): ấn định vấn đề tái triệu tập Hội Nghị Ba Lê “Để giảm thiểu sự đau khổ của nhân dân và mang lại hòa bình thực sự cho Đông Dương, Quốc hội khẩn thiết yêu cầu Tổng Thống và Bộ Trưởng Ngoại Giao áp dụng biện pháp sau đây. (4 Tái nhóm Hội Nghị Ba Lê để tìm phương cách thực thi toàn vẹn các điều khoản của Hội nghị ký ngày 27 tháng 1 năm 1973 về các thành viên liên hệ đến cuộc xung đột tại Việt Nam.

Đạo luật này chưa được thực hiện hay hủy bỏ, do đó còn có hiệu lực. Mặc dù nhân sự đã thay đổi trong các chính phủ, nhưng trách nhiệm thi hành các hiệp ước, đạo luật không phải vì thế mà bị thời tiêu.

Thưa quý vị,

Đoàn kết là sống, chia rẽ là chết. Tổng Hội đã công bố chủ trương bảo vệ Cờ Vàng, thật đáng được vinh danh là:

**Sự Đoàn Alpha Bảo Vệ Quốc, Quân Kỳ Việt Nam Cộng
Hoà**

Khôi phục nền dân chủ ở một quốc gia bị Cộng sản chiếm đóng có thể là một quá trình phức tạp và đầy thách thức, nhưng cũng là một vấn đề khả thể như Liên Bang Xô Viết sụp đổ đầu thập niên 1990. “Never say never”. Ngoài các vấn đề liên quan đến bang giao quốc tế yêu cầu thi hành các điều khoản của các Hiệp ước về Việt Nam như đã nêu trên, các sách lược sau đây liên quan đến vận động quần chúng trong và ngoài nước.

Sách lược này cũng xin được nêu lên để chúng ta, một phen tri kỷ cùng nhau, tuy cơ ứng biến, góp một bàn tay vào đại nghiệp giải phóng quê hương.

1. Thúc đẩy các phong trào nhân dân và các tổ chức xã hội dân sự ủng hộ các giá trị dân chủ và nhân quyền. 2. Hỗ trợ các cơ quan truyền thông độc lập và các nhà báo đưa tin về tham nhũng và lạm quyền của chính phủ CSVN. 3. Khuyến khích áp lực và trừng phạt quốc tế đối với chính phủ CSVN để thực thi sự tôn trọng nhân quyền và tổ chức các cuộc bầu cử tự do và công bằng. 4. Xây dựng liên minh với các quốc gia và tổ chức quốc tế khác để hỗ trợ quá trình chuyển đổi dân chủ. 5. Cung cấp viện trợ kỹ thuật phát triển kinh tế và nhân đạo để hỗ trợ sự phát triển các tổ chức và ổn định đời sống của nhân dân.. 6. Khuyến khích đối thoại và đàm phán giữa chính phủ và các nhóm đối lập để đạt được một quá trình chuyển đổi hòa bình, chuyển lửa về quê hương. 7. Hỗ trợ các thể chế và thực thi quy trình dân chủ, chẳng hạn như xúc tiến tiến trình bầu cử tự do, kiến tạo một xã hội công bằng, một nền tư pháp độc lập và một nền báo chí tự do. 8. Khuyến khích các chương trình giáo dục, chuyển lửa về quê hương và trao đổi văn hóa để thúc đẩy các giá trị và tôn trọng các nguyên tắc dân chủ.

Điều quan trọng cần lưu ý là tình hình thế giới thay đổi khác nhau và những gì hiệu quả ở giai đoạn này, có thể không hiệu quả ở giai đoạn khác. Hơn nữa, bất kỳ giải pháp nào cũng cần sự liên kết, trong ứng, ngoại hợp, đặt trọng tâm vào sự hợp tác với đồng bào trong nước và với sự hỗ trợ của cộng đồng quốc tế.

Với lòng tin tất thắng, các tổ chức chống cộng vẫn dũng dạc đường hoàng lên đường. Chúng ta sẽ chiến đấu với sức mạnh gấp đôi khi chiến đấu với lòng tin vào chính nghĩa quốc gia. “We are twice armed if we fight with faith” (Platon).

Kính chúc quý vị hưởng trọn niềm vui “huynh đệ chi binh” trong ngày tái ngộ.

Trần Xuân Thời

Cựu Chủ tịch Tổng Hội.